

Bản án số: 61/2017/HSPT
Ngày 25 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Thẩm phán:

Bà Trần Ngọc Như

Bà Châu Minh Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trang T Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2017/HSPT ngày 07 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Trần Ái N; do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Bách C**, sinh năm 1950 tại huyện D, tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; cha là Trần Ái Q (chết) và mẹ là Văn Thị K (chết) ; có vợ là Trần Thị X, sinh năm 1956 và có 04 người con lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án: Không; tiền sự: 01 lần: Ngày 16/10/2014, Công an huyện D xử phạt 200.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng, chấp hành xong ngày 26/4/2017. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 10/5/2017, (có mặt).

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Họ và tên: **Trần Ái N**, sinh năm 1986 tại huyện D, tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp X, xã N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; cha là Trần Bách C và mẹ là Trần Thị X; có vợ là Nguyễn Mỹ N, sinh năm 1989 (đã ly hôn năm 2015) và 01 người con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: 01 lần: Ngày 16/10/2014, Công an huyện D xử phạt 500.000 đồng về hành vi đánh nhau, chấp hành xong ngày 26/4/2017. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2017 đến nay, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Bách C: Ông Trương Hoàng Chức - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. (có mặt).

Người bị hại không kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo: Bà Trần Thị X, sinh năm 1956. Địa: Ấp X, xã N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 24/11/2016, anh Đinh Công T điều khiển xe đạp điện từ hướng ấp C, xã N về ấp M, xã N khi đến đoạn cầu Vàm X thuộc ấp X, xã N thì xảy ra va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 94 F1-184.54 do bị cáo Trần Ái N điều khiển chở bà Phan Thị L chạy theo hướng ngược lại. Sau khi va chạm, giữa anh T và bị cáo N xảy ra cự cãi. Lúc này ông Nguyễn Văn B (là cha vợ của anh T) cũng chạy đến và xảy ra cự cãi với bị cáo N. Sau đó, bị cáo Trần Bách C (là cha của bị cáo Trần Ái N) đang đi đám giỗ ở gần đó được bà Trần Thị X (là vợ của bị cáo C) cho hay sự việc cũng chạy đến nơi xảy ra va chạm. Khi đến nơi, bị cáo C dùng hai tay đẩy vào ngực ông B ra rồi bị cáo Trần Ái N nhào tới dùng tay đánh nhiều cái vào mặt ông B gây thương tích. Do thấy N đánh ông B nên Nguyễn Thị Mai P là con ông B chạy đến can ngăn thì bị cáo C nắm tóc và đánh. Bà N thấy Mai P (là con bà N) bị đánh nên chạy đến ôm bị cáo C lại thì bị cáo C quay lại dùng tay đánh vào mặt bà N nhiều cái gây thương tích. Sau đó được mọi người can ngăn, Công an xã N đến lập biên bản sự việc, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Mỹ N được đưa đi điều trị thương tích.

Ngày 08/12/2016, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 15/TgT ngày 06/01/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu kết luận thương tích của bà Nguyễn Thị Mỹ N như sau: Một sẹo nông ở má trái, tỷ L 01%. Gãy xương gò má trái, can xấu, tỷ lệ 16%. Còn sưng bầm mắt trái. Theo Thông tư 20 không quy định tỷ lệ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tổng cộng là 17% .

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 16/TgT ngày 06/01/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu kết luận thương tích của ông Nguyễn Văn B như sau: Một sẹo ở mi dưới mắt phải, ảnh hưởng thẩm mỹ, tỷ lệ 11%. Một sẹo ở gò má phải, tỷ lệ 01%. Gãy răng 13, tỷ lệ: 03%. Còn sung nề mắt phải, không quy định tỷ lệ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tổng cộng là 15%.

Về trách nhiệm dân sự: Ông B yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền tổng cộng là 12.779.000đ, bà N yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền tổng cộng là 26.360.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Ái N và bị cáo Trần Bách C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng: khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ái N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 22/3/2017). Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm b, h, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Bách C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 604, 605, 609 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Buộc bị cáo Trần Ái N có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn B số tiền 1.386.000 đồng (một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng); Buộc bị cáo Trần Bách C có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền 8.594.870 đồng (tám triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi đồng).

Về án phí: Áp dụng điểm đ Điều 12; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp tiền án phí đối với bị cáo Trần Bách C và bị cáo Trần Ái N.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, áp dụng lối suất, Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2017, bị cáo Trần Ái N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trần Bách C kháng cáo xin được hưởng án treo, xem xét bị cáo không có tiền sự, không đồng ý bồi thường chi phí tiền xe đi lại 800.000đ và tiền công lao động của người bệnh, người nuôi bệnh 200.000đ/ngày/người.

Ngày 09/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện D kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về án phí đối với bị cáo Trần Ái N.

Tại phiên tòa, bị cáo N giữ nguyên kháng cáo; bị cáo C xin rút lại phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự, chỉ yêu cầu xem xét giảm án, cho bị cáo hưởng án treo và xem xét bị cáo không có tiền sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án xác định: Án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Trần Bách C và Trần Ái N về tội cố ý gây thương tích là có căn cứ, vì các bị cáo có gây thương tích cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Mỹ N. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đến hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và phạt bị cáo N 01 năm tù, bị cáo C 06 tháng tù là phù hợp. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N và bị cáo C không cung cấp chứng cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo N, cũng như không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo C. Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét bị cáo C không có tiền sự, xét thấy việc Công an huyện D ra Quyết định xử phạt hành chính bị cáo ngày 16/10/2014, đến ngày 26/4/2017 bị cáo mới chấp hành hình phạt nên việc xem xét bị cáo có tiền sự là đúng quy định pháp luật. Về án phí, bị cáo Trần Ái N không thuộc trường hợp được miễn án phí. Do đó, đề nghị không miễn án phí cho bị cáo N.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo C trình bày cho rằng: Công an huyện D xử phạt là không đúng, theo quy định thì thời hạn thi hành quyết định hành chính là 12 tháng, nên đề nghị xem xét bị cáo Trần Bách C là người không có tiền sự. Gia đình bị cáo có nhiều người có công với cách mạng, vợ bị cáo đang bệnh, cháu nội là con của bị cáo Trần Ái N chỉ có 4 tuổi chưa tự chăm sóc bản thân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 và Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo C được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại; người bào chữa;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Bách C và bị cáo Trần Ái N khai nhận tội như án sơ thẩm xét xử là đúng, bị cáo C chỉ kháng cáo xin giảm án và hưởng án treo, xem xét không có tiền sự, không kháng cáo phần bồi thường thiệt hại, bị cáo N xin giảm án, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có lưu trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 14 giờ ngày 24/11/2016, tại ấp X, xã N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu chỉ vì muốn giải quyết mâu thuẫn bằng vũ lực mà bị cáo C và bị cáo N đã có hành vi gây thương tích cho người khác, cụ thể: Bị cáo N dùng tay đánh nhiều cái vào mặt ông B gây thương tích, tỉ lệ giám định 15%; bị cáo C dùng tay đánh vào mặt bà Nguyễn Thị Mỹ N nhiều cái gây thương tích, tỉ lệ giám định 17% .

Hành vi của bị cáo Trần Ái N dùng tay đánh nhiều cái vào ông Nguyễn Văn B gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 15% và hành vi bị cáo Trần Bách C dùng tay đánh vào mặt bà Nguyễn Thị Mỹ N gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 17% có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện D xét xử các bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, nên cần xử lý nghiêm cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định như án sơ thẩm áp dụng là có căn cứ, việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo là không đủ cải tạo rắn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe người bị hại mà còn gây mất trật tự địa phương nên cần xử lý nghiêm. Khi quyết định hình phạt cho bị cáo Bản án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo N 01 năm tù là phù hợp. tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp chứng cứ nào mới so với án sơ thẩm nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo.

Xét kháng cáo xin giảm án và hưởng án treo của bị cáo C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo C khi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có tác động gia đình để khắc phục hậu quả, bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, là thương binh hạng 4/4; bị cáo có cha là liệt sĩ, mẹ ruột và mẹ vợ là mẹ Việt Nam anh hùng, anh ruột, anh vợ cũng là liệt sĩ, bị cáo đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Như đã phân tích, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo C cho rằng bị cáo không có tiền sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xác định bị cáo có nhận (biết) được Quyết định xử phạt hành chính ngày 16/10/2014 của Công an huyện D, bị cáo xác định đã khiếu nại quyết định xử phạt này nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đến ngày 26/4/2017, bị cáo nộp phạt (bút lục 282) nên việc bị cáo cho rằng bị cáo không có tiền sự là không có căn cứ.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị không miễn án phí đối với bị cáo Trần Ái N, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo Trần Ái N không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, nên kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Bị cáo Trần Ái N kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm và án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, áp dụng lỗi suất, Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo C không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Bách C. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện D. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu về hình phạt của bị cáo Trần Bách C và về án phí của bị cáo Trần Ái N.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Bách C và bị cáo Trần Ái N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm b, h, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Bách C 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ái N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 22/3/2017.

5. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, L phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Ái N phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Bách C không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, áp dụng lỗi suất, Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo C không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện D;
- Cơ quan HS nghiệp vụ CS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện D, CQĐT huyện D;
- THA huyện D (để thi hành);
- Nhà tạm giữ CA huyện D;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người liên quan;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Cao Văn Tám

